

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24- 25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	21157075	Nguyễn Tất Uyên Nhi	15	11	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	19.782.180		19.782.180		Sinh học
2	21187013	Nguyễn Phước Hạnh	12	12	8,11	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	14.733.600		14.733.600		CNSH
3	21187036	Lê Nguyễn Ánh Ngọc	10	10	8,25	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	9.997.800		9.997.800		CNSH
4	21187061	Nguyễn Hoàng Phương Uy	12	9	8,4	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	9.471.600		9.471.600		CNSH
5	21187115	Huỳnh Ý My	10	10	9	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	19.995.600		19.995.600	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNSH
6	21187207	Tiêu Nhật Anh	11	11	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.276.760		11.276.760		CNSH
7	21187216	Nguyễn Thị Thùy Dương	8	8	8,6	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	7.094.400		7.094.400		CNSH
8	21187230	Nguyễn Thị Phước Linh	8	8	8,13	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	7.893.000		7.893.000		CNSH
9	21187241	Vũ Lê Hoàng Ngân	11	8	8,04	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	7.094.400		7.094.400		CNSH
10	21187262	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10	10	8,95	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	9.997.800		9.997.800		CNSH
11	22157021	Đỗ Đăng Khoa	12	12	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.329.020		23.329.020		Sinh học
12	22157022	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	16	16	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	32.842.260		32.842.260		Sinh học
13	22157070	Nguyễn Nhật Hàn	12	12	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	24.391.620		24.391.620		Sinh học
14	22187009	Nguyễn Trần Thái Bảo	12	12	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.099.520		26.099.520		CNSH
15	22187029	Lưu Lập Gia	20	20	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	38.096.880		38.096.880		CNSH
16	22187042	Nguyễn Phi Hùng	13	13	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.309.120		30.309.120		CNSH
17	22187063	Đinh Thị Ánh Linh	13	13	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.783.360		27.783.360		CNSH
18	22187091	Lương Nguyễn Ngọc Phước	13	13	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.362.400		27.362.400		CNSH
19	23157022	Bùi Như Ý	15	15	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.448.120		20.448.120		Sinh học
20	23157077	Ngô Thanh Quyền Anh	17	14	8,16	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.567.220		17.567.220		Sinh học
21	23157084	Nguyễn Mai Uyên	14	14	8,41	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.567.220		17.567.220		Sinh học
22	23187002	Nguyễn Diệu Anh	13	13	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.608.480		18.608.480		CNSH
23	23187026	Trần Gia Bảo	13	13	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.608.480		18.608.480		CNSH
24	23187027	Võ Huy Hoàng	16	16	8,83	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	22.081.400		22.081.400		CNSH

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24- 25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
25	23187085	Nguyễn Thế Phong	16	16	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.088.800		24.088.800		CNSH
26	23187139	Vũ Thảo My	16	16	8,8	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.081.400		22.081.400		CNSH
27	24157029	Đặng Nguyễn Anh Thư	13	11	8,77	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	14.244.780		14.244.780		Sinh học
28	24157032	Trần Gia Mẫn	15	13	8,7	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	15.102.780		15.102.780		Sinh học
29	24157044	Lê Phùng Thư Linh	15	13	8,53	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	15.102.780		15.102.780		Sinh học
30	24157078	Nguyễn Hồng Đăng	15	13	9,17	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.102.780		15.102.780		Sinh học
31	24187001	Huỳnh Uyên Giang	15	13	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.536.240	10.335.150	6.201.090	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	CNSH
32	24187002	Nguyễn Phạm Thuỳ Linh	15	13	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.536.240		16.536.240		CNSH
33	24187007	Huỳnh Cát Đồng Dao	15	13	8,74	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.158.220		15.158.220		CNSH
34	24187008	Bùi Lâm Trúc Đào	15	13	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.158.220		15.158.220		CNSH
35	24187032	Nguyễn Phương Thảo	15	13	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.158.220		15.158.220		CNSH
36	24187034	Lê Nguyễn Anh Thư	15	13	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.536.240	6.890.100	9.646.140	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CNSH
37	24187090	Nguyễn Ngọc Như Ý	15	13	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	15.158.220		15.158.220		CNSH
38	24187121	Mạch Chấn Minh	15	13	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.536.240		16.536.240		CNSH
39	24187123	Nguyễn Thị Trà My	15	13	8,82	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.158.220		15.158.220		CNSH
40	24187146	Trương Thị Anh Thư	15	13	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	15.158.220		15.158.220		CNSH